TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2026/DS-ST
Ngày: 05/02/2026
V/v:tranh chấp chia tài sản chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ánh Bình
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Đặng Thị Hoàng Anh
2. Ông Lâm Hải Trung

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đỗ Thị Bích Liễu – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: ông Phan Thanh Hào - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30/12/2025 và 05/02/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2024, về việc: *"Tranh chấp chia tài sản chung"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 74/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: bà Cao Thị Xuân M, sinh năm 1953. Địa chỉ: 149C, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Lê Thị Minh H, sinh năm 1976. Địa chỉ: số I, đường N, phường L, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 10/6/2022) và bà Lê Minh Mai T, sinh năm 1973. Địa chỉ: 7, N, phường L, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 22/12/2025) (bà H và bà M có mặt).

Bị đơn: ông Cao Thanh H1, sinh năm 1961. Địa chỉ: số G, tổ E, ấp C , xã N, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn Cao Thanh H1 là ông Nguyễn Minh T1, sinh năm 1969. Địa chỉ: Số A, đường N, phường L, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 04/3/2024) (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Cao Xuân H2, sinh năm 1951. Địa chỉ: A T, San Jose C, 95121 USA (xin vắng mặt).

- Bà Cao Kim P, sinh năm 1943. Địa chỉ: số G South Clarita C, LasVegas, N, 89139 USA (xin vắng mặt).

- Bà Cao Thị H3, sinh năm 1956. Địa chỉ: số C L, Stosct S, USA (xin vắng mặt).
- Cao Hoàng H4. Địa chỉ: số G w Eugie ave Peoria A, USA
(xin vắng mặt).
- C (vắng mặt)
- Cao Thị Ngọc T2 (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: số B H, xã N, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Cao Minh T3, sinh năm 1963 (vắng mặt)
- Cao Cẩm T4, sinh năm 1964 (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: số H, Dương Bá T5, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Cao Thị Kim X, sinh năm 1974. Địa chỉ: số I, B, đường B, khu dân cư E, phường H, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).
-Bà Nguyễn Thị Kim X1, sinh năm 1949 (xin vắng mặt)
-Cao Thị Kim P1 (Cao Thị Xuân P2), sinh năm 1980
Cùng địa chỉ: ấp C, xã N, tỉnh Vĩnh Long
Người đại diện hợp pháp của Cao Thị Kim P1 là bà Nguyễn Thị Kim X1 (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 06/7/2023, đơn khởi kiện bổ sung 20/10/2023 và đơn khởi kiện bổ sung không ngày tháng năm 2024 của nguyên đơn bà Cao Thị Xuân M và trong quá trình tham gia tố tụng bà Lê Thị Minh H là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Cha mẹ của nguyên đơn là cụ Cao Văn C (chết 1978) và cụ Nguyễn Thị L (chết năm 2012), có 08 người con chung gồm:

1.Cao Hoàng M1 (chết năm 2015), có vợ đã chết và 04 người con là Cao Thu T6, Cao Minh T3, Cao Cẩm T4 và Cao Thị Ngọc T2;
2.Cao Hoàng L1 (chết năm 2018) có vợ là Nguyễn Thị Kim X1 và có 02 người con là Cao Thị Kim P1 (Cao Thị Xuân P2) và Cao Hoàng V.
3.Bà Cao Kim P, sinh năm 1943;
4.Bà Cao Thị Xuân M, sinh năm 1953;
5.Bà Cao Xuân H2, sinh năm 1951;
6.Bà Cao Thị H3, sinh năm 1956;
7.Ông Cao Hoàng H4, sinh năm 1958;
8.Ông Cao Thanh H1, sinh năm 1961;
Cụ C và cụ L không có người thừa kế nào khác

Di sản cụ C và cụ L để lại là thửa đất số 186, diện tích 7830m^2, loại đất thổ quả, tọa lạc tổ E, ấp C, xã M, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã N, tỉnh Vĩnh Long). Trên thửa đất có căn nhà cấp 4, diện tích khoảng 300m^2, kết cấu vách tường, mái lợp ngói và tol, cột xi măng, nền lót gạch men và một số cây trồng gồm có: bưởi, nhãn, măng cụt, sầu riêng, mận do bà M trồng.

Ngày 26/3/2000 cụ L viết di chúc để lại diện tích đất 7830m^2 cho các anh, chị em của bà M. Riêng bà M được cụ L cho 2170m^2 thuộc thửa đất số 186 nêu trên. Sau khi cụ L chết, bà M đến gặp ông H1 để làm thủ tục thừa kế quyền sử

dụng đất theo di chúc của cụ L để lại thì ông H1 cho biết khi cụ L còn sống, ông H1 có nhờ cụ L vay tiền Ngân hàng và đang thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chờ ông H1 trả nợ lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra rồi làm thủ tục tách thửa sang tên, ông H1 hẹn lần này đến lần khác, nhưng không thực hiện. Sau đó ông H1 có thừa nhận là khi cụ L còn sống, ông H1 mượn quyền sử dụng đất để làm thủ tục bảo đảm cho con trai ông H1 đi nước ngoài nên cụ L đã sang tên cho ông H1 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng đang thế chấp cho Ngân hàng. Khi nào chuộc giấy ra sẽ tách phần cho mỗi người theo di chúc của cụ M. Nhưng sau đó ông H1 không thực hiện theo lời hứa nên bà M khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Cao Thanh H1 phải tách cho bà Cao Thị Xuân M diện tích đất 2170m^2 do cụ Nguyễn Thị L để lại. Trường hợp ông H1 không đồng ý thì bà M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H1 trả cho bà M phần tài sản của cụ Cao Văn C để lại trong khối tài sản chung chưa chia mà cụ Nguyễn Thị L đã tặng cho ông H1.

Yêu cầu ông Cao Thanh H1 hoàn trả cho bà M số tiền 70.000.000đ là tiền trước đây bà gửi về mua cây, thuê người trồng cây, nhổ cỏ, bơm cát cải tạo vườn hiện nay ông H1 đang quản lý, sử dụng.

Trong trường hợp chia bằng giá trị thì yêu cầu được nhận thửa đất số 186, diện tích 7830m^2, tọa lạc tại tổ E, ấp C, xã M, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Bà M sẽ trả giá trị cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Chí phần mà họ được hưởng với giá đất 500.000đ/m^2. Căn nhà trên thửa đất thì bà M ước tính giá trị khoảng 240.000.000đ, yêu cầu được nhận căn nhà để thờ cúng cha mẹ và trả giá trị cho những người được hưởng thừa kế mỗi kỷ phần là 40.000.000đ, không hỗ trợ chi phí đóng góp hoặc chi phí quản lý di sản cho ông H1, vì ông H1 không có công sức đóng góp vào di sản.

Đến ngày hòa giải 04/11/2025 bà Lê Thị Minh H đại diện cho nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể yêu cầu như sau:

1/ Hưởng thừa kế tách thửa đất 443-1, diện tích 403,1m^2 loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp C, xã N, tỉnh Vĩnh Long theo chỉ ranh đo đạc thực tế của bà M.

(Phần đất còn lại thửa 443-2, diện tích 2363,3m^2 đất ở và đất trồng cây lâu năm và căn nhà trên đất thống nhất giao cho ông Cao Thanh H1 quản lý sử dụng, không tranh chấp).

2/ Yêu cầu ông Cao Thanh H1 hoàn trả cho bà Cao Thị Xuân M số tiền 70.000.000đ tiền trước đây bà M chi phí bơm cát trên thửa đất 443.

Thống nhất với kết quả đo đạc ngày 21/7/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh V và thống nhất biên bản định giá tài sản ngày 04/3/2025, giá đất trồng cây lâu năm là 1.365.487đ/m^2, đất ở tại nông thôn là 2.635.500đ/m^2.

Bị đơn ông Cao Thanh H1 có ông Nguyễn Minh T1 là người đại diện hợp pháp trình bày:

Ông H1 thống nhất về cha mẹ, hàng thừa kế như nguyên đơn trình bày ở trên. Lúc còn sống cụ Nguyễn Thị L có quản lý, sử dụng thửa đất 156, tờ bản đồ số 0005, diện tích 7.830m^2 loại đất thổ quả, tọa lạc tổ E, ấp C, xã M, huyện M,

tỉnh Vĩnh Long, trên đất có căn nhà, trước đây là nhà cũ nền gạch tàu, vách ván mái ngói xưa, năm 1986 có sửa lại nền gạch bông, tiền sửa chữa nhà do bà Cao Kim P, bà Cao Kim H5, bà Cao Xuân H2, Cao Hoàng H4 gửi về cho cụ L và ông H1 làm. Năm 2000 ông H1 cất thêm nhà phía sau và sửa lại nền nhà gạch tráng men, cụ L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/7/1991.

Ông H1 là con út sống chung với cha mẹ từ nhỏ đến lớn và chăm sóc cha mẹ, sau khi cụ Chí C1, ông H1 và cụ L cùng quản lý đất đai, chăm sóc cụ L cho đến khi chết và hiện nay ông H1 thờ cúng cha mẹ. Trước đây cụ L có cho đất ruộng 03 người là Cao Hoàng M1 (đã chết) 03 công; Cao Hoàng L1 (đã chết) 03 công và Cao Thị Xuân M 2,5 công đất ruộng. Phần đất này các anh chị đã chuyển nhượng cho người khác. Ông H1 được biết năm 2000 cụ L có lập di chúc phân chia đất cho các con. Nhưng do bà Cao Thị Xuân M kêu người để bán đất cụ L không đồng ý nên đã họp mặt gia đình có mặt các con và lập một di chúc về việc thừa kế tài sản vào ngày 15/2/2005 giao toàn bộ thửa đất 156 và căn nhà trên đất cho ông H1 quản lý, sử dụng các anh chị em ông H1 thống nhất ký tên đầy đủ.

Đến năm 2006 cụ L quyết định cho ông H1 toàn bộ nhà và thửa đất 156 nên cụ L đã cùng ông H1 đến Ủy ban nhân dân xã M hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất 156, tờ bản đồ số 0005, diện tích 7.830m^2 loại đất thổ quả, tọa lạc tổ E, ấp C, xã M, huyện M, tỉnh Vĩnh Long, được Ủy ban nhân dân xã M chứng thực ngày 20/9/2006. Ông H1 đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/7/2015 là thửa đất 150, tờ bản đồ số 1, diện tích 7.287,3m^2 loại đất ở và trồng cây lâu năm.

Năm 2021 ông H1 đã chuyển nhượng một phần đất thuộc thửa 150 cho cháu Cao Minh T3 (con ông Cao Hoàng M1), diện tích chuyển nhượng là 4.484m^2, loại đất trồng cây lâu năm, hợp đồng chuyển nhượng lập tại Ủy ban nhân dân xã M, chứng thực ngày 14/01/2021, số tiền chuyển nhượng là 800.000.000đ, anh T3 đã nhận đất cất nhà ở. Sau khi chuyển nhượng đất cho Cao Minh T3 thì ông H1 đã tự nguyện cho Cao Kim P, Cao Thị Xuân M, Cao Thu H6 và Cao Hoàng H4 mỗi người 3.000 USD tại điểm này có giá tương đương 70.000.000đ, trong đó phần cho bà M do bà M nợ bà H6 nên ông H1 trả cho bà H6 mà không giao cho bà M.

Hiện nay phần đất còn lại ông H1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/4/2021 thửa số 443, tờ bản đồ số 1, diện tích 2803,3m^2 (đất ở 300m^2, đất trồng cây lâu năm 2303,3m^2), trên đất có căn nhà cấp 4 do ông H1 đã sửa chữa, 02 ngôi mộ của cụ C và cụ L và một số cây trồng như dừa, chuối do ông H1 trồng.

Ông H1 không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà M, vì ông H1 đã được cụ L cho đất từ năm 2006, đến khi ông H1 chuyển nhượng đất cho Cao Minh T3 cũng đã có chia tiền cho các anh chị em như đã nêu trên. Đối với số tiền 70.000.000đ bà M yêu cầu ông H1 trả tiền san lấp, tại Ủy ban dân xã M tình nghĩa chị em nên ông H1 đồng ý trả cho bà M số tiền 50.000.000đ, nhưng bà M không đồng ý. Nay ông H1 chỉ đồng ý hỗ trợ cho bà M số tiền 30.000.000đ.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/5/2024 của Tòa án, bà Cao Thị H3 (Cao Thi H7) trình bày:

Bà thống nhất về cha mẹ và hàng thừa kế như nguyên đơn, bị đơn trình bày. Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là của cha mẹ bà để lại, không nhớ thời gian khi bà về thăm cha mẹ bà thì có nghe mẹ là cụ L nói lại cho bà M 02 công đất và có làm giấy nhờ các chú làm chứng, nhưng không biết giấy đó ai quản lý. Do tin tưởng ông H1 nên bà M không yêu cầu tách thửa, sang tên, sau này do ông H1 không đồng ý giao đất cho bà M nên xảy ra tranh chấp. Bà không biết cha mẹ để lại thửa đất số mấy, chỉ biết diện tích khoảng 08 công do ông H1 quản lý. Nếu xác định phần đất tranh chấp là di sản thừa kế thì bà yêu cầu được hưởng 01 kỷ phần thừa kế theo quy định của pháp luật và đồng ý cho lại bà M, không yêu cầu bà M hoàn trả giá trị. Ông H1 cho rằng khi chuyển nhượng đất cho Cao Minh T3 có cho anh chị em mỗi người 70.000.000đ là không có, bà không có nhận tiền của ông H1. Đối với căn nhà trên đất bà không yêu cầu chia thừa kế để thờ cúng cha mẹ. Do ở xa nên bà không tham gia tố tụng được, xin vắng trong suốt quá trình tố tụng (sơ thẩm, phúc thẩm) cam kết không có khiếu nại gì về sau.

Tại bản khai ý kiến ngày 22/7/2024 ông Cao Hoàng H4 trình bày (văn bản có hợp pháp hóa lãnh sự):

Ông là con ruột của cụ Nguyễn Thị L (chết 2012) và cụ Cao Văn C (chết năm 1978), cha mẹ ông có 08 người con như nguyên đơn, bị đơn trình bày. Trong thời kỳ hôn nhân cha mẹ ông có tạo lập được tài sản chung là thửa đất số 186, diện tích 7830m^2 đất ở và đất trồng cây lâu và một căn nhà cấp 4 nằm trên đất, diện tích xây dựng nhà 300m^2. Khi cụ Chí C1 không có lập di chúc, sau đó cụ L đứng tên tài sản vừa nêu. Trên đất có cây trồng bưởi, nhãn, măng cụt, sầu riêng, xoài mận do bà M trồng, còn lại do cụ L thuê trồng. Ngày 26/3/2000 cụ L viết di chúc để lại tài sản cho hai anh, chị M và H1, cho chị M được hưởng 2170m^2 thửa 186, từ khi bà M được cho phải thuê người làm vườn, mua cây giống, trồng cây, bơm cát, cải tạo mảnh vườn.

Sau đó ông H1 mượn tài sản của cụ L để đảm bảo tài chính cho con đi du học nước ngoài , ông H1 yêu cầu cụ L ký tặng cho thửa đất, cụ L đồng ý với điều kiện không được bán. Đến nay H1 không chuyển cho bà M phần đất mà cụ L đã cho. Nay ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà M là ông H1 phải tách cho bà M phần đất 2170m^2 trong phần tài sản của cụ C để lại. ông yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật, vì ở xa ông xin phép được vắng mặt, không nhận thừa kế, ông gửi tặng phần của ông cho bà M.

Bà Cao Xuân H2 và bà Cao Kim P trình bày tại bản khai ý kiến ngày 15/6/2024 (có hợp pháp hóa lãnh sự):

Cha mẹ và người thừa kế thống nhất giống như nguyên đơn, bị đơn trình bày. Sau khi cụ Chí C1, cụ L và các con cùng sinh sống trong căn nhà trên thửa đất số 156, tờ bản đồ số 0005, diện tích 7830m^2 loại đất thổ, quả, tọa lạc tại số G, ấp C, xã M, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định của Bộ luật dân sự Việt Nam thì thời hạn chia thừa kế tối đa là 30 năm về bất động sản. Cha của các đương sự chết đã trên 40 năm, như vậy việc đòi chia thừa kế của nguyên đơn là

vô thời hiệu. Do đó tài sản trên thuộc về người đang quản lý là Cao Thanh H1 thụ hưởng. Năm 2000 cụ L có hứa cho Cao Thị Xuân M phần đất vườn là 02 công, nhưng sau đó cụ L đổi ý, năm 2005 nhân dịp các đương sự về thăm mẹ, cụ L đã làm lại di chúc để toàn bộ tài sản cho Cao Thanh H1 là người duy nhất ở lại trong căn nhà thờ để lo hương khói cho cha mẹ. Vào thời điểm đó anh chị em và bà M đều đồng ý ký tên.

Năm 2006 cụ L làm giấy tặng cho ông H1 nhà và phần đất thổ quả diện tích 7830m^2, ngày 27/9/2006 có quyết định của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh V ký xác nhận cho Cao Thanh H1 là chủ sở hữu. Về phần Cao Hoàng M1 và Cao Hoàng L1 cụ L đã cho mỗi người 03 công đất ruộng để canh tác, sau đó họ đã bán cho hai người lối xóm.

Vào năm 2021 ông H1 chuyển nhượng phần đất cho cháu Cao Minh T3 (con Cao Hoàng M1) và có gửi cho chị em mỗi người 3000 USD, trị giá 70.500.000đ. Các anh chị em nhận đầy đủ, riêng bà Cao Xuân H2 không nhận vì để cho ông H1 lo sửa sang nhà thờ cha mẹ. Do đó bà H2 và bà P không chấp nhận việc chia thừa kế và không có tranh chấp thừa kế trong vụ án này. Do ở xa không thể về tham dự trong tất cả các cấp giải quyết và cũng không yêu cầu nhận văn bản tố tụng của Tòa án.

Cao Thị Ngọc T2 (con của ông Cao Hoàng M1) có bản khai ngày 06/11/2024 trình bày:

Trong đơn kiện thì cụ Cao Văn C và cụ Nguyễn Thị L có để lại di sản là thửa đất số 186, diện tích 7830m^2, tọa lạc tổ E, ấp C, xã M, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Năm 1978 khi chết cụ C không để lại di chúc và 08 người con không ai từ chối nhận thừa kế di sản này. Đến ngày 15/02/2005 thì cụ L lập di chúc để lại toàn bộ thửa đất cho ông H1 là con trai út là người thừa kế trông coi toàn bộ tài sản, tuyệt đối không được mua bán, trao đổi, sang nhượng , cầm cố hoặc bất cứ hình thức nào. Theo bà T2 thì khi người vợ hoặc chồng chết trước mà không làm di chúc thì các con được chia đều phân nữa di sản đó. Như vậy ông H1 chỉ được quyền nhận nữa tài sản của cụ L nếu di chúc đó đúng và hợp pháp. Phân nữa di sản của cụ C thì 08 người con có quyền được hưởng hợp pháp. Nay bà T2 đại diện cho các con của ông Cao Hoàng M1 đồng ý nhận di sản thừa kế của ông Cao Văn C để lại.

Bà Nguyễn Thị Kim X1 trình bày tại bản tự khai ngày 21/01/2026:

Bà và các con của bà khẳng định không có bất cứ yêu cầu gì trong vụ án, đồng thời không có kiến nghị hoặc thắc mắc gì về sau và có đơn xin vắng mặt.

Các đương sự Cao Thu T6, Cao Minh T3, Cao Cẩm T4, Cao Thị Kim X không tham gia giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà Lê Thị Minh H là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: nguyên đơn bà Cao Thị Xuân M xác định lại phạm vi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ C và cụ L mà yêu cầu chia tài sản chung của cụ C để lại trong sản chung với cụ L thuộc thửa đất số 443, không yêu cầu được chia diện tích 2170m^2 như ban đầu khởi kiện. Nay bà M có 02 yêu cầu: một là yêu cầu ông H1 giao cho bà M tách thửa đất số 443-1, diện tích 403,4m^2, loại

đất trồng cây lâu năm và hai là buộc ông H1 phải trả lại cho bà M tiền bơm cát lên thửa đất 443 với số tiền là 70.000.000đ.

Ông Nguyễn Minh T1 là người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Cao Thanh H1 không đồng ý yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn, vì thửa đất 443 là của riêng cụ L đã tặng cho ông H1 từ năm 2006, không phải tài sản chung của cụ C và cụ L, nếu là tài sản chung của hai cụ thì phải có văn bản thỏa thuận của các anh chị em thừa nhận là tài sản chung. Nay ông H1 chỉ đồng ý hoàn trả bà M tiền bơm cát 50.000.000đ.

Người làm chứng bà Phạm Hồng T7 trình bày: bà có họ hàng với nguyên đơn và bị đơn, bà chăm sóc cụ L thời gian từ năm 2005 đến 2010 thì nghĩ, trong thời gian chăm sóc cụ L bà có nghe cụ L nói lại là cho bà M hơn 2 ngàn mét vuông đất, bà có thấy bà M cặm trụ đá, đem cây về trồng như sầu riêng, măng cụt và chính bà là người chăm sóc cây dùm cho bà M. Sau năm 2010 bà không còn ở chăm sóc cụ L nên không biết sự việc xảy ra như thế nào.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự có mặt thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ vào Điều 147, 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 624, Điều 459 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 2 Luật người cao tuổi; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Xuân M

Buộc ông Cao Thanh H1 trả cho bà Cao Thị Xuân M số tiền bơm cát là 50.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Xuân M về việc yêu cầu được hưởng thừa kế thửa 443-1, diện tích 403,1m^2 loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp C, xã N, tỉnh Vĩnh Long.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chổ, định giá tài sản, đo đạc: tổng cộng số tiền 5.370.000 đồng. Bà M phải chịu số tiền 2.685.000 đồng. Ông H1 phải chịu số tiền là 2.685.000 đồng.

Về án phí: Bà M và ông H1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: bà Cao Thị Xuân M khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại là quyền sử dụng đất, tọa lạc ấp C, xã N, tỉnh Vĩnh Long.Vụ án có ông Cao Hoàng H4, Cao Kim P, Cao Thị H3 và Cao Xuân H2 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan định cư ở nước ngoài, do vụ án thụ

lý từ ngày 29/01/2024, theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân thì thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung của nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ C và cụ L để lại 2170m^2 đất thuộc thửa 156 (thửa mới 443), diện tích chung 7830m^2, đất ở và đất trồng cây lâu năm, do ông Cao Thanh H1 đứng tên quyền sử dụng đất. Tại phiên tòa bà Lê Thị Minh H là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Cao Thị Xuân M thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu chia thừa kế mà yêu cầu chia tài sản chung của cụ C để lại trong sản chung với cụ L là thửa đất số 443. Yêu cầu ông H1 giao cho bà M tách thửa đất số 443-1, diện tích 403,4m^2, loại đất trồng cây lâu năm. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà M phù hợp với Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự và không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về quan hệ pháp luật: bà M khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản của cha mẹ để lại, tuy nhiên tại phiên tòa bà H đại diện cho bà M thay đổi yêu cầu là chia tài sản chung, không yêu cầu chia thừa kế. Do đó quan hệ pháp luật được xác định là "*Yêu cầu chia tài sản chung*".

[4] Về việc vắng mặt đương sự: các đương sự bà Cao Xuân H2, bà Cao Thị H3, bà Cao Kim P, ông Cao Hoàng H4, Cao Thị Ngọc T2; Nguyễn Thị Kim X1 đều có đơn xin vắng mặt. Cao Thu T6, Cao Minh T3, Cao Cẩm T4 và Cao Thị Kim X không tham gia giải quyết vụ án, triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2025, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[5] Về việc nguyên đơn yêu cầu triệu tập người làm chứng:

Tại phiên tòa đại diện của nguyên đơn yêu cầu đưa bà Phạm Hồng T7 tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn phù hợp quy định tại Điều 77 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[6] Nguyên đơn yêu cầu chia tài sản chung của cụ C để lại trong tài sản chung với cụ L là thửa đất 443, cụ thể yêu cầu ông H1 giao cho bà M tách thửa đất 443-1, diện tích 403,1m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp C, xã N, tỉnh Vĩnh Long. Bị đơn cho rằng phần đất tranh chấp là của riêng cụ L đã tặng cho ông H1 vào năm 2006, không phải là tài sản chung của cụ C và cụ L nên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[7] Xét thấy, tài sản cụ C và cụ L là thửa đất số 156, diện tích 7830m^2, loại đất thổ quả, tọa lạc tổ E, ấp C, xã M, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã N, tỉnh Vĩnh Long). Trên thửa đất có căn nhà cấp 4, diện tích khoảng 300m^2, kết cấu vách tường, mái lợp ngói và tol, cột xi măng, nền lót gạch men và một số cây trồng gồm có: bưởi, nhãn, măng cụt, sầu riêng, mận hiện nay do ông H1 đang quản lý, sử dụng.

Ngày 26/3/2000 cụ L viết tờ di chúc có 2 người làm chứng và có chứng thực của UBND xã M để lại diện tích đất 7830m^2 cho các con cụ thể: ông Cao Hoàng M1 được hưởng diện tích 1200 m^2, ông Cao Hoàng L1 được hưởng diện tích 1275 m^2, bà Cao Thị Xuân M được hưởng diện tích 2.170 m^2, ông Cao Thanh H1 được hưởng diện tích 3.185 m^2.

Ngày 17/6/2005 cụ Nguyễn Thị L có đơn xin hủy di chúc lập ngày 26/3/2000 có xác nhận của trưởng ấp C ngày 21/6/2005.

Ngày 19/9/2006 cụ Nguyễn Thị L lập hợp đồng tặng cho con là ông Cao Thanh H1 thửa đất số 156, diện tích 7830m^2, loại đất thổ quả, tọa lạc tổ E, ấp C, xã M, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã N, tỉnh Vĩnh Long) có chứng thực của UBND xã M. Ông Cao Thanh H1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 41, diện tích 7830m^2, loại đất thổ quả, tọa lạc tổ E, ấp C, xã M, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã N, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 04/10/2006.

Năm 2015 ông H1 đăng ký cấp đổi thửa đất 41 thành thửa 150, ông H1 và vợ Hoàng Lệ T8 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 150, tờ bản đồ số 1, diện tích 7287,3m^2 loại đất ở và trồng cây lâu năm vào ngày 30/7/2015.

Năm 2021 ông H1 và bà T8 đã chuyển nhượng một phần diện đất thuộc thửa 150 cho cháu ruột Cao Minh T3, diện tích chuyển nhượng là 4.484m^2, loại đất trồng cây lâu năm, hợp đồng chuyển nhượng lập tại Ủy ban nhân dân xã M, chứng thực ngày14/01/2021,số tiền chuyển nhượng là 800.000.000đ. Anh T3 đã nhận đất cất nhà ở.

Hiện nay phần đất còn lại ông H1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/4/2021 thửa số 443, tờ bản đồ số 1, diện tích 2803,3m^2 (trong đó có 300m^2 đất ở, đất trồng cây lâu năm 2303,3m^2), trên đất có căn nhà cấp 4 do ông H1 đã sửa chữa, 02 ngôi mộ của cụ C và cụ L và một số cây trồng như dừa, chuối do ông H1 trồng.

[8] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu được chia tài sản chung là diện tích đất 403,1m^2, thuộc tách 443-1, loại đất trồng cây lâu năm, xét thấy: Cụ Cao Văn C (chết 1978), các đồng thừa kế thống nhất cho cụ Nguyễn Thị L kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 156, diện tích 7830m^2, loại đất thổ quả, tọa lạc tổ E, ấp C, xã M, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã N, tỉnh Vĩnh Long) ngày 18/7/1991. Như vậy thửa đất 156 nêu trên được xác định là tài sản riêng của cụ Nguyễn Thị L.

Năm 2000 cụ L có lập di chúc chia thửa đất 156 cho các con, trong đó bà Cao Thị Xuân M được cho diện tích 2170m^2, nhưng ngày 17/6/2005 cụ L có đơn xin hủy di chúc. Đến ngày 19/9/2006 cụ L lập hợp đồng tặng cho con út là ông Cao Thanh H1 toàn bộ thửa đất số 156, diện tích 7830m^2, loại đất thổ quả, tọa lạc tổ E, ấp C, xã M, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã N, tỉnh Vĩnh Long), hợp đồng có chứng thực của UBND xã M và ông H1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 41, diện tích 7830m^2 vào ngày 04/10/2006, điều này thể hiện cụ L đã thay đổi ý kiến, ý chí của cụ L là tặng cho ông H1 toàn bộ thửa đất 156 nên di chúc cụ L lập ngày 26/3/2000 không còn hiệu lực.

Mặt khác, từ trước cho đến nay ông H1 là người quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp trên và kê khai đăng ký, thực hiện các thủ tục cấp đổi giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất cũng như việc ông H1 chuyển nhượng một phần thửa đất cho cháu ruột là Cao Minh T3, nhưng cũng không có ai tranh chấp hay ngăn cản việc chuyển nhượng này. Tại phiên tòa bà T6 đại diện cho bà M thừa nhận năm 2006 khi cụ L tặng cho ông H1 thửa đất bà M biết và năm 2021 ông H1 và bà T8 ký chuyển nhượng cho ông T3, bà M cũng biết nhưng không tranh chấp với ông H1. Điều này chứng tỏ các bên đều biết khi còn sống cụ L đã tặng cho ông H1 toàn bộ thửa đất 156 (443) cho nên quá trình sử dụng ông H1 đã thực hiện rất nhiều biến động đối với thửa đất 156, nhưng phía nguyên đơn cũng không ngăn cản tranh chấp gì với ông H1.

Nguyên đơn cho rằng cụ L cho 2170m^2 đất từ năm 2000, nhưng tại sao từ khi được cho đất đến khi cụ L chết là năm 2012 thời gian khá dài nguyên đơn không yêu cầu cụ L lập thủ tục tặng cho để bà M được đứng tên quyền sử dụng đất. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh cụ L cho bà M đất.

Đối với hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Nguyễn Thị L và ông Cao Thanh H1 lập ngày 19/9/2006, hợp đồng được lập thành văn bản, thể hiện đầy đủ thông tin của các bên, thửa đất, khi tặng cho cụ L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hợp đồng được Ủy ban nhân dân xã M chứng thực ngày 20/9/2006 là đúng quy định tại Điều 467 Bộ luật dân sự năm 2005. Xét về hình thức và nội dung của hợp đồng được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 722, 723, 724, 725 của Bộ luật dân sự 2005. Sau khi được tặng cho đất ông H1 thực hiện nghĩa vụ kê khai, đăng ký và thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Đến ngày 04/10/2006 ông H1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 41, diện tích 7838,1m^2, đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm. Ông H1 đăng ký biến động đất đai, đến ngày 30/7/2015 thì ông H1 và vợ là Hoàng Lệ T8 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi ông H1 và bà T8 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nguyên đơn cũng không có khiếu nại hay tranh chấp. Năm 2017 ông H1 thế chấp quyền sử dụng đất tại Ngân hàng TMCP K nguyên đơn cũng không khiếu nại. Như vậy thửa đất tranh chấp là của cụ L đã tặng cho ông H1 từ năm 2006 thuộc quyền sử dụng của ông H1, không phải là tài sản chung của cụ C và cụ L, do đó không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M về việc buộc ông H1 phải giao cho bà mai tách thửa đất 443-1, diện tích 403,1m^2, đất trồng cây lâu năm.

[9] Xét yêu cầu của bà M buộc ông H1 hoàn trả số tiền bơm cát 70.000.000đ, xét thấy: trong quá trình giải quyết vụ án bà M không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã bơm cát vào thửa đất 443 với số tiền là 70.000.000đ. Tuy nhiên tại phiên tòa ông H1 thừa nhận bà M có bơm cát vào thửa đất 443, nhưng ông H1 chỉ đồng ý hoàn trả bà M số tiền 50.000.000đ. Do đó buộc ông Cao Thanh H1 có nghĩa vụ giao trả cho bà M tiền bơm cát 50.000.000đ là phù hợp.

[10] Xét lời trình bày của người làm chứng bà Phạm Hồng T7, xét thấy:

Bà T7 có họ hàng với nguyên đơn và bị đơn. Tại phiên tòa bà T7 trình bày việc cụ L lập di chúc hoặc gia đình cụ L họp bàn bạc là chuyện riêng của gia đình cụ L, bà không có tham gia, tuy nhiên bà có nghe cụ L nói lại là cụ L có cho bà M hơn 02 công đất. Xét lời trình bày của bà T7 là không có căn cứ, vì

việc tặng cho quyền sử dụng đất phải tuân theo quy định của pháp luật hoặc bà M xuất trình được tài liệu chứng cứ để chứng minh cụ L cho đất, trong trường hợp này lời trình bày của người làm chứng không có giá trị để chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận.

[11] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Xuân M, buộc ông H1 giao trả bà M số tiền bơm cát 50.000.000đ. Không chấp nhận yêu cầu của bà M buộc ông H1 giao tách thửa đất 443-1, diện tích 403,1m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp C, xã N, tỉnh Vĩnh Long cho bà M.

[12] Về chi phí tố tụng: chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tổng cộng là 5.370.000đ, buộc ông H1 và bà M mỗi người phải chịu ½ là 2.685.000đ. Do bà M đã nộp tạm ứng trước nên buộc ông H1 phải hoàn trả bà M số tiền 2.685.000đ.

[13] Về án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Điều 2 Luật người cao tuổi. Nguyên đơn và bị đơn là người cao tuổi được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, các Điều 147, 157,165, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2025; Các Điều 401, 465, 467 Bộ luật dân sự 2005; các Điều 46, 49, 106, 107 và 113 Luật đất đai năm 2003.

Điều 4 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân.

Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Xuân M;

Buộc ông Cao Thanh H1 có nghĩa vụ giao trả cho bà Cao Thị Xuân M số tiền bơm cát là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Xuân M về việc yêu cầu ông Cao Thanh H1 giao cho bà M tách thửa đất 443-1,diện tích 403,1m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp C, xã N, tỉnh Vĩnh Long.

3.Về chi phí tố tụng: buộc ông Cao Thanh H1 có nghĩa vụ hoàn trả bà Cao Thị Xuân M số tiền 2.685.000đ (hai triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

4.Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Cao Thị Xuân M và ông Cao Thanh H1 được miễn nộp án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên

phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Đối với bà Cao Kim P, bà Cao Thị H3, ông Cao Hoàng H4 và bà Cao Xuân H2 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn một tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Thị Ánh Bình

Nơi nhận
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tối cao tại TPHCM;
- THADS tỉnh Vĩnh Long
- Đương sự;
- Lưu HS.